

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 04-9-2019

V/v: “*Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Ông Phạm Quốc H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-DS ngày 24/4/2019 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2019/QĐXX-DS ngày 25/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2019/QĐST-DS ngày 15/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc O , sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh A.

Tạm trú: số 82/9, đường B, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Hà Bích T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 10, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A.

2. Bị đơn: - Bà Đặng Thanh H , sinh năm 1965 (vắng mặt)

- Ông Lê Văn T , sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 22/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O (do bà Hà Bích T, đại diện theo ủy quyền) trình bày: vào ngày 08/02/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc O có cho vợ chồng bà Đặng Thanh H và ông Lê Văn T vay số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 06 tháng, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Từ khi vay cho đến nay thì vợ chồng ông T, bà H chưa trả cho bà O được khoản vốn, lãi nào. Mặc dù bà O đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H, ông T thanh toán số tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận nhưng vợ chồng bà H, ông T cố tình né tránh, không thực hiện. Vì vậy, bà O yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thanh H và ông Lê Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền gốc 240.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo mức lãi quá hạn của Ngân hàng là 1,125%/tháng, kể từ ngày 08/02/2018 cho đến khi xét xử.

Tuy nhiên, ngày 12/7/2019 bà O có đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Đặng Thanh H trả số tiền gốc 240.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng. Bà O rút lại yêu cầu bị đơn ông Lê Văn T liên đới với bà H trả số tiền nêu trên.

Bị đơn bà Đặng Thanh H và ông Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đặng Thanh H và ông Lê Văn T có đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bà Đặng Thanh H và ông Lê Văn T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng bà H và ông T đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị Ngọc O khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thanh H và ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền gốc 240.00.000 đồng và lãi suất theo mức lãi suất 1,125%/ tháng, kể từ ngày 08/02/2018 đến khi xét xử. Tuy nhiên, ngày 12/7/2019, bà O có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện ông Lê Văn T; chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 240.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng. Chứng cứ bà O đưa ra bản gốc Biên nhận tiền đề ngày 08/02/2018 do bà Đặng Thanh H viết và ký tên, với nội dung: “Tôi tên Đặng

Thanh H có vay tiền của cô Nguyễn Thị Ngọc O. Số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn chục triệu)”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H và ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ. Bà H trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà và ông T đều vắng mặt và cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc O thấy rằng, tại đơn khởi kiện bà O yêu cầu bà H và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà O số tiền gốc 240.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng cho đến khi xét xử. Ngày 12/7/2019, bà O có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện ông T liên đới với bà H trả cho bà O số tiền gốc 240.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng mà chỉ yêu cầu bà H trả số nợ nêu trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà O đối với ông Lê Văn T .

Xét hợp đồng vay thấy rằng, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc O với bà Đặng Thanh H có xác lập hợp đồng vay tài sản, được thể hiện bằng giấy vay tiền đề ngày 08/02/2018 với tổng số tiền vay 240.000.000 đồng do bà H ký nhận. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có xảy ra được giao kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà O khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà O số tiền 240.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bà Đặng Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền gốc 240.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất, mặc dù các bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,125%/tháng, kể từ ngày 08/02/2018 đến ngày xét xử.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....”.

Bà H ký biên nhận nợ ngày 08/02/2018 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán gốc và lãi nên bà O yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,125%/tháng (13,5%/năm). Xét thấy, lãi suất bà O yêu cầu không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay và phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, tiền lãi tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2019) là 18 tháng 26 ngày, đại diện nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 18 tháng 15 ngày (18,5 tháng); lãi suất 1,125%/tháng. Như vậy, lãi suất được tính như sau:

Số tiền gốc: $(240.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%) \times 18,5 \text{ tháng} = 49.950.000 \text{ đồng}$.

Tổng số gốc và lãi là: 240.000.000 đồng + 49.950.000 đồng = 289.950.000 đồng.

Do đó, buộc bà Đặng Thanh H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc O tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/9/2019 là 289.950.000 đồng (trong đó tiền gốc là 240.000.000 đồng; tiền lãi là 49.950.000 đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bà Đặng Thanh H bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà O không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc O .

- Buộc bà Đặng Thanh H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền gốc và lãi là 289.950.000 đồng (hai trăm tám mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc O về việc yêu cầu ông Lê Văn T có trách nhiệm liên đới với bà Đặng Thanh H trả cho bà O số tiền gốc 240.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thanh H phải chịu 14.497.500 đồng (mười bốn triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc O không chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000141 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H